

CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CHỦ YẾU PHẢN ÁNH VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

Đinh Thuý Phương^(*)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (viết tắt tiếng Anh là FDI) là một trong những nguồn vốn quan trọng đối với đầu tư và phát triển không chỉ ở các nước nghèo, mà kể cả các nước đang phát triển và các nước đã phát triển. Việt Nam là một nước đang phát triển, do vậy nguồn vốn FDI đóng vai trò hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao khả năng công nghệ và tạo việc làm cho người lao động,... Đồng thời FDI là một trong những tiêu thức đánh giá mức độ hội nhập nền kinh tế Việt Nam với nền kinh tế các nước trên thế giới. Hơn 18 năm qua kể từ khi Luật đầu tư nước ngoài được ban hành (tháng 12 năm 1987), FDI đã có những đóng góp quan trọng. Đến nay nền kinh tế Việt Nam đã từng bước được ổn định, do vậy FDI càng có vai trò quan trọng hơn.

Để phản ánh nguồn vốn FDI đầu tư vào Việt Nam, Tổng cục Thống kê phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu xây dựng và ban hành Thông tư liên bộ số 01/LB, ngày 31 tháng 3 năm 1997 về việc *“hướng dẫn công tác thống kê đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh”* từ đầu những năm cuối của thập kỷ 90 đến thế kỷ XX và gần đây đang tiếp tục được các đơn vị trong Tổng

cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu và hoàn thiện.

Tuy nhiên, các chỉ tiêu trong chế độ báo cáo thống kê hiện hành do Tổng cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đưa ra chỉ mới là một số chủ yếu nhất phản ánh qui mô và số lượng của FDI. Từ các chỉ tiêu này có thể nghiên cứu được nhiều chỉ tiêu khác cho phép đi sâu đánh giá và phản ánh chất lượng FDI.

Dưới đây tác giả bài viết sẽ giới thiệu 5 nhóm chỉ tiêu gồm cả những chỉ tiêu có trước và những chỉ tiêu đề nghị bổ sung.

1. Nhóm I. Các chỉ tiêu thống kê phản ánh qui mô FDI

Các chỉ tiêu thống kê phản ánh quy mô FDI là những chỉ tiêu tổng hợp tính bằng tiền, thể hiện những chi phí bỏ ra gắn liền với việc làm tăng thêm tài sản cho khu vực FDI nhằm mục đích triển khai mới các dự án đầu tư, tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng các cơ sở vật chất kỹ thuật do khu vực FDI thực hiện, một mặt bổ sung thêm cho vốn đầu tư toàn xã hội, đồng thời tìm kiếm lợi nhuận ở nước nhận đầu tư. Do vậy qui mô FDI là chỉ tiêu tuyệt đối thời kỳ và được tính theo đơn vị giá trị ở phạm vi chung cho các dự án và vốn bình quân cho một dự án.

Các chỉ tiêu thống kê phản ánh qui mô FDI ở Việt Nam được tính cho các ngành

[*] Thạc sỹ Viện Khoa học Thống kê

kinh tế; khu vực kinh tế, vùng kinh tế; hình thức đầu tư;... do khu vực FDI thực hiện được Chính phủ Việt Nam cấp phép hoạt động đầu tư. Các chỉ tiêu thống kê phản ánh qui mô FDI là:

Đặc trưng nhất cho các chỉ tiêu thống kê phản ánh qui mô FDI là FDI bình quân một dự án. Chỉ tiêu này biểu hiện quan hệ so sánh gồm FDI và số dự án FDI đầu tư ở một quốc gia trong một thời kỳ nhất định.

Ở đây:- FDI xác định cho vốn đăng ký, vốn thực hiện, vốn giải thể trước thời hạn và vốn còn hiệu lực

- Dự án xác định cho dự án đăng ký, dự án thực hiện, dự án giải thể trước thời hạn và dự án còn hiệu lực.

2. Nhóm II. Các chỉ tiêu thống kê phản ánh cơ cấu FDI

- Cơ cấu FDI biểu hiện quan hệ so sánh giữa các bộ phận cấu tạo nên FDI với tổng thể FDI ở một quốc gia.

+ *Xét cơ cấu FDI theo khu vực kinh tế đầu tư:* FDI được phân thành 3 khu vực: Khu vực I - Nông, Lâm nghiệp và thủy sản; khu vực II - Công nghiệp và xây dựng, khu vực III - Dịch vụ.

+ *Xét cơ cấu FDI theo ngành kinh tế:* FDI được phân thành các ngành kinh tế (những ngành được chính phủ Việt Nam cho phép FDI thực hiện đầu tư).

+ *Xét cơ cấu FDI theo vùng:* FDI được phân thành 8 vùng: Vùng Đông Bắc, vùng Tây Bắc, vùng Tây Nguyên, vùng Đồng Bằng sông Hồng, vùng Đồng Bằng sông Cửu Long, Vùng Bắc Trung Bộ, vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ.

+ *Xét cơ cấu FDI theo đối tác đầu tư chủ yếu,* FDI được phân thành 5 nhóm các nước

như sau: Nics + Nhật Bản; Châu Âu; Bắc Mỹ; ASEAN; Các nước khác.

3. Nhóm III. Các hệ chỉ tiêu thống kê phản ánh hiệu quả FDI

3.1. Hệ số ICOR của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Hệ số ICOR của thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chỉ tiêu cho biết để tăng thêm một đơn vị GDP do khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tạo ra, đòi hỏi phải tăng thêm bao nhiêu đơn vị vốn FDI thực hiện.

3.2 Tỷ lệ giá trị xuất khẩu của khu vực FDI so với vốn FDI thực hiện. Chỉ tiêu này biểu hiện mối quan hệ so sánh giữa bộ phận tổng giá trị xuất khẩu của khu vực FDI với tổng vốn FDI thực hiện của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định

3.3 Tỷ lệ nộp ngân sách của khu vực FDI so với vốn thực hiện. Chỉ tiêu này biểu hiện mối quan hệ so sánh giữa bộ phận tổng nộp ngân sách nhà nước của khu vực FDI với tổng vốn FDI thực hiện của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định.

3.4 Vốn FDI thực hiện tính bình quân trên số lao động làm việc trực tiếp khu vực FDI. Chỉ tiêu này biểu hiện quan hệ so sánh giữa vốn FDI thực hiện và số lao động làm việc trực tiếp trong khu vực FDI của một quốc gia, trong một thời kỳ nhất định.

4. Nhóm IV. Các chỉ tiêu thống kê phản ánh tác động FDI

Tác động của FDI đối với phát triển kinh tế được thể hiện qua việc thúc đẩy tăng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; cải thiện kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thanh

toán và làm tăng trưởng nguồn thu ngân sách Nhà nước,...

a, FDI với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

**Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế*

Khu vực FDI với tư cách là một thành phần kinh tế, cũng đóng góp vào quá trình tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế. Một mặt FDI bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế về phía cầu. Mặt khác, FDI thông qua hình thành một hệ thống doanh nghiệp FDI, làm tăng khả năng sản xuất của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế về phía cung.

FDI với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế được phản ánh qua chỉ tiêu tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI vào GDP

Tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI vào GDP biểu hiện mối quan hệ so sánh giữa bộ phận tổng đóng góp của khu vực FDI và GDP với GDP của toàn nền kinh tế của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định.

** FDI với chuyển dịch cơ cấu kinh tế*

Cơ cấu kinh tế được đo lường bởi cơ cấu GDP theo 3 khu vực kinh tế, thể hiện ở tỷ trọng của 3 khu vực kinh tế: khu vực Công nghiệp và Xây dựng; khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản và khu vực Dịch vụ chiếm trong GDP do khu vực FDI tạo ra trong một thời kỳ nhất định (thường là 1 năm).

Phản ánh cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu trong ngành công nghiệp của khu vực FDI được thể hiện qua chỉ tiêu:

- *Tỷ trọng GTSX của khu vực FDI trong ngành công nghiệp so với tổng GTSX toàn ngành công nghiệp.* Chỉ tiêu này biểu hiện quan hệ so sánh giữa bộ phận GTSX của khu vực FDI trong ngành công nghiệp với

tổng GTSX của ngành công nghiệp ở một quốc gia, trong một thời kỳ nhất định.

- *Tỷ trọng VA của khu vực FDI ngành công nghiệp so với tổng VA ngành công nghiệp.* Chỉ tiêu này biểu hiện quan hệ so sánh giữa bộ phận VA của khu vực FDI với tổng VA của ngành công nghiệp, ở một quốc gia, trong một thời kỳ nhất định.

b, FDI cải thiện kim ngạch xuất khẩu và cán cân thanh toán

- *Tỷ trọng giá trị hàng hoá xuất khẩu của khu vực FDI so với tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu trong nền kinh tế.* Chỉ tiêu này biểu hiện quan hệ so sánh giữa bộ phận giá trị hàng hoá xuất khẩu của khu vực FDI với tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá trong nền kinh tế, của một quốc gia, trong một thời kỳ nhất định.

- *Tỷ lệ giá trị hàng hoá xuất khẩu so với nhập khẩu của khu vực FDI.* Chỉ tiêu này biểu hiện quan hệ so sánh giữa bộ phận giá trị hàng hoá xuất khẩu của khu vực FDI với tổng giá trị nhập khẩu hàng hoá của khu vực FDI, ở một quốc gia, trong một thời kỳ nhất định.

c, FDI với tăng nguồn vốn thu ngân sách nhà nước

Tỷ trọng nộp ngân sách khu vực FDI so với tổng thu ngân sách nhà nước

Chỉ tiêu này biểu hiện quan hệ so sánh giữa bộ phận nộp ngân sách của khu vực FDI với tổng thu ngân sách nhà nước ở một quốc gia, trong một thời kỳ nhất định.

d, FDI với tạo việc làm cho nguồn lao động

Lao động làm việc trực tiếp trong khu vực FDI. Chỉ tiêu này phản ánh số lượng lao động làm việc trực tiếp trong khu vực FDI đó là số người làm việc trực tiếp trong hệ thống của doanh nghiệp có vốn FDI, bao gồm lao động làm các việc như:

quản lý, sản xuất, phân phối, nghiên cứu... do doanh nghiệp có vốn FDI tuyển dụng và trả lương. Số lượng lao động trực tiếp được tính dựa theo bảng lương của doanh nghiệp có vốn FDI, trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

Cơ cấu lao động làm việc trực tiếp trong khu vực FDI. Chỉ tiêu này biểu hiện quan hệ so sánh giữa các bộ phận lao động trực tiếp ở các doanh nghiệp FDI hình thành nên tổng số lực lượng lao động làm việc trực tiếp trong khu vực FDI ở một quốc gia, trong một thời kỳ nhất định.

e, FDI với chuyển giao, đổi mới công nghệ tại nước nhận đầu tư

Số hợp đồng chuyển giao công nghệ của khu vực FDI đối với nước tiếp nhận đầu tư. Chỉ tiêu này cho biết khu vực FDI có bao nhiêu hợp đồng chuyển giao công nghệ cho nước tiếp nhận đầu tư trong khoảng thời gian nhất định, thường là một năm. Bởi vì những nước đầu tư thường là những nước có tiềm lực về vốn, có ưu thế về công nghệ hơn nước tiếp nhận đầu tư, đặc biệt, trong trường hợp nước tiếp nhận vốn là nước đang phát triển như Việt Nam.

5. Nhóm V. Các chỉ tiêu thống kê phản ánh tiến trình thực hiện FDI

Các chỉ tiêu thống kê phản ánh tiến trình thực hiện FDI gồm các chỉ tiêu sau:

- *Tỷ lệ số dự án FDI thực hiện so với tổng số dự án FDI đăng ký.* Chỉ tiêu này phản ánh quan hệ so sánh bộ phận giữa số dự án FDI thực hiện với số dự án FDI đăng ký của một quốc gia, trong thời kỳ nhất định.

- *Tỷ lệ số dự án FDI giải thể trước thời hạn so với tổng số dự án FDI thực hiện.* Chỉ tiêu này phản ánh quan hệ so sánh bộ phận giữa số dự án FDI bị giải thể trước thời hạn với số dự án FDI thực hiện của một quốc gia, trong thời kỳ nhất định.

- *Tỷ lệ vốn FDI thực hiện so với tổng số vốn FDI đăng ký.* Chỉ tiêu này biểu hiện mối quan hệ so sánh bộ phận giữa vốn FDI thực hiện với tổng số vốn FDI đăng ký của một quốc gia, trong thời kỳ nhất định.

- *Tỷ lệ vốn FDI giải thể trước thời hạn so với tổng vốn FDI thực hiện.* Chỉ tiêu này biểu hiện mối quan hệ so sánh giữa bộ phận vốn FDI giải thể trước thời hạn so với tổng vốn FDI thực hiện của một quốc gia, trong thời kỳ nhất định. ■

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Đỗ Đức Bình và Nguyễn Thường Lạng (2004), *Kinh tế quốc tế*, Nxb Lao động - Xã hội.
2. Phan Công Nghĩa (2002), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa Thống kê, *Giáo trình thống kê kinh tế tập I và tập II*, Nxb Giáo dục.
3. Tăng Văn Khiên (2005), *Một số vấn đề phương pháp luận thống kê*, Nxb Thống kê.
4. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2000), Khoa Thống kê, *Bộ môn lý thuyết Thống kê, Bài giảng lý thuyết thống kê (sau đại học)*.
5. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa Kế hoạch và Phát triển, bài giảng *Kinh tế phát triển (2003) (Dành cho cao học kinh tế)*.
6. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Bộ môn kinh tế đầu tư (2004), *Giáo trình kinh tế đầu tư*, Nxb Thống kê
7. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Khoa Thống kê (2006), *Tạp chí Kinh tế và phát triển tháng 9 năm 2006*.
8. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2006), *Luật đầu tư năm 2005 (Song ngữ Việt - Anh)*, Nxb Giao thông Vận tải